

Số: 496 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên hệ đại học
hệ chính quy chương trình chất lượng cao (tiếng Anh bán phần)
Đợt tháng 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 3786/QĐ-ĐHNH ngày 21/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021;

Căn cứ Thông báo số 229/TB-ĐHNH, ngày 18/03/2020 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 171 sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao (tiếng Anh bán phần)

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHẤT LƯỢNG CAO (TIẾNG ANH BÁN PHẦN) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ
TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 1 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định: 496/QĐ-ĐHNH, ngày 01 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
1	050609210003	Đỗ Thị Thúy	An	22/09/2003	HQ9-GE01	4/6			
2	050611230003	Chu Thị Thúy	An	22/09/2005	HQ11-BAF15		5.5		
3	050611230019	Trần Nguyễn Thúy	An	31/05/2005	HQ11-MAG07		5.5		
4	050607190026	Nguyễn Duy	Anh	10/07/2001	HQ7-GE08			71	
5	050608200229	Lê Đan Quỳnh	Anh	03/02/2002	HQ8-GE04		6.0		
6	050611230074	Phan Đỗ Hoàng	Anh	23/09/2005	HQ11-MAG07		7.0		
7	050611230055	Nguyễn Dương Hoàng Anh		06/04/2005	HQ11-BAF08		6.0		
8	050611230071	Nguyễn Việt	Anh	03/04/2005	HQ11-BAF10		6.0		
9	050611230096	Ngô Thị Ngọc	Ánh	05/02/2005	HQ11-BAF06		6.5		
10	050611230101	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	15/10/2005	HQ11-MAG05		5.5		
11	050607190056	Trần Thị Cẩm	Bi	10/11/2001	HQ7-GE15	4/6			
12	050611230120	Hà Ngọc	Bích	10/06/2005	HQ11-MAG06		5.5		
13	050611230157	Võ Nguyễn Minh	Châu	01/06/2005	HQ11-BAF09		5.5		
14	050609210151	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	25/10/2003	HQ9-GE19		6.5		
15	050611230164	Trần Như Mỹ	Chuyên	01/12/2005	HQ11-BAF04		6.0		
16	050607190078	Phạm Thị Ngọc	Diễm	15/09/2001	HQ7-GE11	4/6			
17	030805170340	Trần Lý Huỳnh	Đức	13/02/1999	HQ5-GE08	4/6			
18	050611230212	Trần Minh	Đức	05/10/2005	HQ11-BAF02		5.5		
19	050611230215	Nguyễn Lữ Hoài	Dung	01/01/2005	HQ11-BAF04		6.0		
20	050609210252	Vũ Bạch	Dương	30/10/2003	HQ9-GE10		5.5		
21	050608200296	Phan Thùy	Dương	03/01/2002	HQ8-GE04		6.5		
22	050608200292	Đặng Thị Ánh	Dương	31/10/2002	HQ8-GE08		6.0		
23	050606180073	Trần Thị Thùy	Dương	15/08/2000	HQ6-GE08	4/6			
24	050608200283	Vũ Ngọc	Duy	24/01/2002	HQ8-GE14		6.0		
25	030135190086	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21/02/2000	HQ7-GE06		6.0		
26	050607190098	Trương Nguyễn Khán	Duyên	13/11/2001	HQ7-GE16	4/6			
27	050611230251	Phan Dương Mỹ	Duyên	21/12/2005	HQ11-BAF19		5.5		
28	050611230243	Nguyễn Hạnh	Duyên	08/06/2005	HQ11-ACC02		5.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
29	050609211898	Nguyễn Ngọc Hạ	Giang	30/06/2003	HQ9-GE04	4/6			
30	050611230259	Thiều Hương	Giang	28/08/2005	HQ11-BAF02		5.5		
31	050608200321	Vũ Nhật	Hạ	01/04/2002	HQ8-GE16	4/6			
32	050608200343	Võ Gia	Hân	04/09/2002	HQ8-GE03	4/6			
33	050611230308	Tổng Khánh	Hân	03/04/2005	HQ11-BAF03		6.0		
34	050611230299	Nguyễn Ngọc	Hân	14/04/2005	HQ11-BAF12		5.5		
35	050611230324	Đinh Hà Nguyệt	Hằng	23/04/2005	HQ11-BAF20		5.5		
36	050611230342	Phan Minh	Hạnh	14/03/2005	HQ11-ACC05		5.5		
37	050611230356	Đỗ Minh	Hiền	13/06/2005	HQ11-BAF02		7.0		
38	050609210437	Lê Trần Như	Hoàng	28/07/2003	HQ9-GE21	4/6			
39	050607190163	Võ Duy	Hoàng	19/05/2001	HQ7-GE12	4/6			
40	050611230375	Lâm Kim	Hoàng	06/12/2005	HQ11-BAF03		5.5		
41	050611230380	Trần Minh	Hoàng	29/01/2005	HQ11-BAF14		6.0		
42	050611230386	Nguyễn Hữu	Hùng	13/04/2005	HQ11-BAF19		6.0		
43	050611230396	Trần Quốc	Hưng	18/09/2005	HQ11-BAF20		5.5		
44	050611230414	Nguyễn Thị Thu	Hương	21/05/2005	HQ11-BAF21		6.0		
45	050609211961	Trần Ngọc Thiên	Huy	02/05/2003	HQ9-GE21		5.5		
46	050607190171	Nguyễn Gia	Huy	05/06/2001	HQ7-GE04	4/6			
47	050608200373	Nguyễn Thúy	Huyền	15/09/2002	HQ8-GE17		6.5		
48	050611230472	Phan Quang	Khải	01/06/2005	HQ11-ACC05		5.5		
49	050611230477	Nguyễn Quang	Khang	18/05/2005	HQ11-BAF09		7.0		
50	050606180158	Trần Duy	Khang	28/09/2000	HQ6-GE04	4/6			
51	050611230474	Hồ Trần Vĩnh	Khang	27/06/2005	HQ11-MAG01		6.0		
52	050606180160	Lâm Quang	Khánh	17/04/2000	HQ6-GE09			72	
53	050611230490	Đào Lê Uyên	Khánh	31/07/2005	HQ11-BAF13		5.5		
54	050611230491	Nguyễn Bá	Khánh	02/07/2005	HQ11-MAG01		5.5		
55	050611230506	Phạm Tấn	Khoa	15/12/2005	HQ11-BAF07		6.0		
56	050611230537	Nguyễn Trần Yến	Lan	28/10/2005	HQ11-MAG03		5.5		
57	050611230592	Trần Phương	Linh	15/06/2005	HQ11-BAF07		6.5		
58	050611230576	Nguyễn Phương	Linh	18/12/2005	HQ11-BAF05		6.5		
59	050611230577	Nguyễn Thị Khánh	Linh	03/02/2005	HQ11-BAF10		5.5		
60	050611230603	Nguyễn Phú	Lộc	11/09/2005	HQ11-BAF07		6.0		
61	050611230610	Tạ Hoàng	Long	21/05/2005	HQ11-BAF21		6.0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
62	050611230617	Lê Thảo	Ly	06/09/2005	HQ11-BAF02		5.5		
63	050607190249	Đặng Thanh	Mai	18/05/2001	HQ7-GE12	4/6			
64	050611230626	Lê Ngọc	Mai	18/11/2005	HQ11-BAF04		5.5		
65	050607190260	Nguyễn Lê Thảo	Minh	16/02/2001	HQ7-GE06	4/6			
66	050607190258	Lê Gia Phương	Minh	17/01/2001	HQ7-GE06		5.5		
67	050611230651	Lê Nữ Châu	Minh	18/07/2005	HQ11-ACC01		5.5		
68	050611230660	Phan Nhật	Minh	25/07/2005	HQ11-MAG05		5.5		
69	050611230649	Hoàng Anh Bình	Minh	24/09/2005	HQ11-BAF05		6.0		
70	050609212049	Trần Khải	My	26/01/2003	HQ9-GE22	4/6			
71	050611230680	Phan Hà	My	04/11/2005	HQ11-BAF15		7.0		
72	050611230673	Ngô Thị Trà	My	19/12/2003	HQ11-MAG01		5.5		
73	050607190279	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	20/04/2001	HQ7-GE01	4/6			
74	050609210809	Nguyễn Thị Thúy	Nga	31/01/2003	HQ9-GE10		6.5		
75	050607190297	Trần Thị Hương	Ngân	26/03/2001	HQ7-GE18	4/6			
76	050609210860	Bùi Kim	Ngân	04/11/2003	HQ9-GE02		5.5		
77	050608200106	Tăng Ngọc	Ngân	25/10/2002	HQ8-GE19			75	
78	050611230749	Phạm Thị Kim	Ngân	21/11/2005	HQ11-BAF21		5.5		
79	050611230709	Đặng Huỳnh Thảo	Ngân	11/11/2005	HQ11-MAG02		6.5		
80	050610220346	Trần Úc	Nghi	25/05/2004	HQ10-GE29	4/6			
81	050610220363	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	26/05/2004	HQ10-GE14		5.5		
82	050607190314	Trương Bảo	Ngọc	24/05/2001	HQ7-GE03	4/6			
83	030633170289	Lê Bảo	Ngọc	27/04/1999	HQ5-GE04		6.0		
84	050611230800	Nguyễn Như Khánh	Ngọc	04/06/2005	HQ11-BAF08		5.5		
85	050611230808	Phan Bảo	Ngọc	11/03/2005	HQ11-ACC01		5.5		
86	050611230783	Lê Trần Bảo	Ngọc	04/05/2005	HQ11-BAF04		5.5		
87	050611230792	Nguyễn Khánh	Ngọc	12/12/2005	HQ11-BAF05		5.5		
88	050611230835	Trần Lê Hạnh	Nguyên	10/03/2005	HQ11-BAF15		6.5		
89	050606180263	Phạm Phúc	Nguyên	22/12/2000	HQ6-GE10	4/6			
90	050611230832	Phạm Thị Minh	Nguyên	21/10/2005	HQ11-BAF07		5.5		
91	050611230828	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	31/03/2005	HQ11-ACC02		5.5		
92	050607190331	Lê Thị Hồng	Nhân	16/10/2001	HQ7-GE17	4/6			
93	050611230848	Lê Trung	Nhân	03/01/2005	HQ11-BAF20		5.5		
94	050610220409	Võ Yến	Nhi	24/11/2004	HQ10-GE24	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
95	050608200520	Nguyễn Bình Phương Nhi	02/11/2002	HQ8-GE08		6.0		
96	050611230898	Trần Ngọc Xuân Nhi	20/02/2005	HQ11-BAF04		5.5		
97	050611230860	Bùi Thị Yến Nhi	10/07/2005	HQ11-MAG01		5.5		
98	050611230907	Võ Nguyễn Mẫn Nhi	23/06/2005	HQ11-ACC05		6.5		
99	050609211095	Nguyễn Ngọc Hà Oanh	03/02/2003	HQ9-GE05		6.0		
100	050611230975	Nguyễn Mạnh Phát	17/11/2005	HQ11-BAF01		7.0		
101	050611231001	Võ Hoàng Phúc	24/09/2005	HQ11-BAF04		5.5		
102	050611231000	Trần Thị Hồng Phúc	24/05/2005	HQ11-BAF12		5.5		
103	050609211148	Đỗ Uyên Phương	13/07/2003	HQ9-GE03		6.0		
104	050607190423	Giang Ngọc Thanh Quyên	01/04/2001	HQ7-GE04	4/6			
105	050611231054	Nguyễn Đình Quyền	02/08/2005	HQ11-BAF02		6.0		
106	050610221287	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	24/03/2004	HQ10-GE13		5.5		
107	050611231061	Lê Thái Bảo Quỳnh	06/04/2005	HQ11-BAF03		5.5		
108	050611231075	Phạm Nhật Quỳnh	18/11/2005	HQ11-BAF19		5.5		
109	050611231084	Nguyễn Ngọc Linh San	15/01/2005	HQ11-BAF08		6.0		
110	050611231093	Nguyễn Thị Mai Sương	06/03/2005	HQ11-ACC03		5.5		
111	030136200539	Lê Thị Minh Tâm	21/01/2002	HQ8-GE04	4/6			
112	050611231103	Nguyễn Phạm Mỹ Tâm	15/05/2005	HQ11-BAF03		5.5		
113	050611231106	Trương Minh Tâm	04/02/2005	HQ11-BAF15		5.5		
114	050611231105	Trần Lê Thanh Tâm	20/03/2005	HQ11-BAF01		5.5		
115	050607190451	Hoàng Lý Thiên Tân	03/10/2001	HQ7-GE04	4/6			
116	050611231122	Trần Đức Thắng	05/01/2005	HQ11-BAF11		6.0		
117	050607190465	Trịnh Thị Thanh	17/02/2001	HQ7-GE12	4/6			
118	050607190462	Phạm Ngọc Lan Thanh	10/10/2001	HQ7-GE01		6.0		
119	050607190456	Lê Thị Hồng Thanh	01/03/2001	HQ7-GE14			80	
120	050607190461	Phạm Hoài Thanh	20/04/2001	HQ7-GE12	4/6			
121	050608200650	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/09/2002	HQ8-GE18	4/6			
122	050607190472	Lê Thị Thảo	31/03/2001	HQ7-GE18	4/6			
123	050609212189	Công Đoàn Thanh Thảo	18/12/2003	HQ9-GE03		6.5		
124	050611231160	Phan Vũ Thanh Thảo	22/01/2005	HQ11-BAF13		6.0		
125	050611231161	Trần Đặng Vy Thảo	18/03/2005	HQ11-BAF21		6.0		
126	050611231152	Nguyễn Lê Phương Thảo	25/05/2005	HQ11-BAF16		6.0		
127	050611231175	Đới Quang Thiên	31/10/2005	HQ11-BAF10		5.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
128	050607190493	Trần Thị Anh	Thơ	07/12/2000	HQ7-GE15	4/6			
129	050609211376	Huỳnh Thị Yến	Thơ	25/01/2002	HQ9-GE04	4/6			
130	050608200152	Nguyễn Thị Thiên	Thời	19/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
131	030435190210	Hà Ngọc Anh	Thư	03/06/2001	HQ7-GE04		6.0		
132	050611231211	Nguyễn Anh	Thư	05/05/2005	HQ11-BAF03		5.5		
133	050611231250	Vũ Minh	Thư	21/01/2005	HQ11-BAF01		6.0		
134	050611231214	Nguyễn Bích Anh	Thư	03/10/2005	HQ11-BAF12		6.0		
135	050611231249	Võ Phạm Anh	Thư	30/04/2005	HQ11-BAF17		5.5		
136	050611231248	Võ Ngọc Minh	Thư	08/11/2005	HQ11-BAF01		6.0		
137	050611231208	Lý Minh	Thư	19/02/2005	HQ11-BAF05		5.5		
138	050611231198	Huỳnh Minh	Thư	02/07/2005	HQ11-BAF01		5.5		
139	050607190520	Nguyễn Hoàng Minh	Thức	22/06/2001	HQ7-GE03	4/6			
140	050611231255	Hoàng Thị Thanh	Thương	16/03/2005	HQ11-BAF19		5.5		
141	050607190496	Đoàn Thị	Thùy	05/04/2001	HQ7-GE14	4/6			
142	050609211458	Nguyễn Lý Hàn	Thuyên	31/10/2003	HQ9-GE26		5.5		
143	050607190531	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	28/03/2001	HQ7-GE13	4/6			
144	050606180478	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	001/1/2000	HQ6-GE12		5.5		
145	050611231298	Ngô Chân	Tín	26/10/2005	HQ11-ACC01		6.0		
146	050611231304	Hà Minh	Toàn	23/07/2005	HQ11-BAF20		6.5		
147	050611231305	Bùi Thuỳ	Trâm	15/09/2005	HQ11-ACC01		5.5		
148	050611231403	Phạm Đặng Quỳnh	Trang	26/07/2005	HQ11-BAF01		6.0		
149	050611231391	Mai Quỳnh	Trang	21/07/2005	HQ11-BAF14		5.5		
150	050611231397	Nguyễn Thị Thủy	Trang	03/08/2005	HQ11-BAF20		5.5		
151	050611231412	Phạm Đăng	Trí	13/01/2005	HQ11-BAF08		6.0		
152	050608200746	Nguyễn Thanh	Trúc	01/09/2002	HQ8-GE07		6.5		
153	050607190592	Trần Thị Mỹ	Trúc	12/06/2001	HQ7-GE16	4/6			
154	050610220679	Lã Thành	Trung	08/05/2004	HQ10-GE26	4/6			
155	050608200185	Trần Đức Cảnh	Tùng	02/08/2002	HQ8-GE10	4/6			
156	050611231472	Bùi Hoàng	Tùng	02/07/2005	HQ11-MAG01		6.0		
157	050611231479	Nguyễn Võ Nhật	Tường	23/04/2005	HQ11-BAF08		5.5		
158	050607190617	Bùi Ngọc Cát	Tường	17/10/2001	HQ7-GE12	4/6			
159	050611231477	Ngô Quang	Tường	04/03/2005	HQ11-BAF19		6.5		
160	050611231496	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	25/07/2005	HQ11-BAF02		5.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	
161	050610220710	Trần Phương Uyên	10/11/2004	HQ10-GE05		6.0		
162	050606180447	Nguyễn Thị Ngọc Vân	10/09/2000	HQ6-GE03			74	
163	050611231533	Trần Thị Khánh Vân	25/10/2005	HQ11-BAF19		6.0		
164	050607190636	Nguyễn Ngọc Tường Vi	05/12/2001	HQ7-GE08	4/6			
165	050608200200	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	07/11/2002	HQ8-GE19		7.0		
166	030135190749	Huỳnh Mai Xuân	29/06/2001	HQ7-GE07		5.5		
167	050606180465	Hứa Nguyễn Hương Xuân	23/02/2000	HQ6-GE03		5.5		
168	050611231626	Đoàn Như Ý	29/03/2005	HQ11-BAF05		6.0		
169	050609211794	Hồ Ngọc Yến	01/09/2003	HQ9-GE28	4/6			
170	050611231640	Phùng Thị Hải Yến	15/09/2005	HQ11-BAF13		5.5		
171	050611231639	Nguyễn Lê Nguyệt Yến	30/10/2005	HQ11-BAF05		6.0		

Tổng số: 171 sinh viên